

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: *3400* /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 12 Tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Nghị quyết Quy định một số chế độ hỗ trợ, mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi tổ chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết Quy định một số chế độ hỗ trợ, mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi tổ chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở quy định của Trung ương, tỉnh đã ban hành nhiều chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên, góp phần thu hút, động viên và tạo điều kiện để các lực lượng này yên tâm cống hiến cho sự nghiệp thể dục thể thao của tỉnh (Nghị quyết số 107/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND). Tuy nhiên, hiện vẫn còn thiếu quy định chế độ đối với thành viên đội thể thao quần chúng cấp tỉnh, thành viên đội tuyển xã, phường, đặc khu, cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia giải cấp tỉnh; chế độ đãi ngộ, mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên còn thấp so với thực tế.

Ngày 30/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 349/2025/NĐ-CP Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, theo đó:

Tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định: “*Các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chi trả tiền ...; quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật*”.

Tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định: “*Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Triển khai thực hiện Nghị định này và ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương*”.

Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định*

các mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức để thực hiện cho phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tình hình thực tế và tính chất của từng giải”.

Tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “a) *Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;*”.

Vì vậy, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định một số chế độ hỗ trợ, mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi tổ chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh; kịp thời động viên huấn luyện viên, vận động viên cống hiến cho mục tiêu phát triển thể thao tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn mới; bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện đầy đủ các bước quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét, trình dự thảo Nghị quyết đến HĐND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 05 chương, 13 Điều.

2. Nội dung cơ bản

(1) Chế độ hỗ trợ trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

Chế độ hỗ trợ trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu áp dụng đối với thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh và đội tuyển thể thao tham gia giải thể thao cấp tỉnh, cụ thể:

- Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh không hưởng lương ngân sách được hỗ trợ: huấn luyện viên 300.000 đồng/người/ngày, vận động viên 250.000 đồng/người/ngày (tương đương khoảng 70% mức lương của đội tuyển tỉnh quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP).

- Thành viên đội tuyển thể thao tham gia giải cấp tỉnh không hưởng lương ngân sách được hỗ trợ tối đa: huấn luyện viên 250.000 đồng/người/ngày, vận động viên 200.000 đồng/người/ngày (tương đương khoảng 80-83% mức lương của thể thao quần chúng cấp tỉnh).

- Thành viên hưởng lương ngân sách được giữ nguyên tiền lương, phụ cấp do cơ quan quản lý chi trả; nếu mức lương bình quân ngày thấp hơn chế độ hỗ trợ thì được bù phần chênh lệch, tính theo tiền lương tháng liền kề trước khi triệu tập chia cho 26 ngày.

(Quy định chi tiết tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết)

(2) Chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu áp dụng đối với thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh và đội tuyển thể thao tham gia giải cấp tỉnh, cụ thể:

- Đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh được hưởng 210.000 đồng/người/ngày khi tập huấn và 300.000 đồng/người/ngày khi thi đấu (tương đương khoảng 70-75% mức chi chế độ dinh dưỡng của đội tuyển tỉnh quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP).

- Đội tuyển thể thao tham gia giải cấp tỉnh được hưởng 190.000 đồng/người/ngày khi tập huấn và 250.000 đồng/người/ngày khi thi đấu (tương đương 83-90% mức chi chế độ dinh dưỡng của đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh).

- Khi di chuyển đến địa điểm khác để thực hiện nhiệm vụ trong nước, các đối tượng trên được hưởng chế độ nghỉ, đi lại theo quy định về công tác phí trong nước và chế độ dinh dưỡng tương ứng.

(Quy định chi tiết tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết)

(3) Chế độ đãi ngộ đặc thù đối với vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh đạt thành tích xuất sắc

Kế thừa Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND và Nghị định số 349/2025/NĐ-CP, chế độ đãi ngộ đặc thù đối với vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh gồm chế độ thực phẩm chức năng và chế độ đãi ngộ đặc thù hằng tháng, được áp dụng cho vận động viên thể thao thành tích cao hưởng lương ngân sách nhà nước thuộc đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh trong biên chế huấn luyện của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, khi đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế chính thức; mức chi giữ nguyên theo Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND. Đối với chế độ đãi ngộ đặc thù hằng tháng, mức chi đối với giải vô địch quốc gia, vô địch trẻ quốc gia giữ nguyên theo Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND, đồng thời bổ sung, phân loại rõ hơn các giải thể thao và tăng mức chi giải thể giới để phù hợp thực tế.

- Các chế độ trên áp dụng trong 12 tháng kể từ năm sau liền kề năm vận động viên đạt thành tích; vận động viên đạt mức thành tích nào hưởng theo mức đó, nếu đạt nhiều thành tích thì chỉ hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

- Trong thời gian đang hưởng chế độ theo khoản 6 Điều 5, Điều 7 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP, vận động viên không hưởng đồng thời chế độ thực phẩm chức năng hằng tháng và chế độ đãi ngộ đặc thù hằng tháng quy định tại Nghị quyết này.

(Quy định chi tiết tại Điều 6 dự thảo Nghị quyết)

(4) Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia

Quy định mức thưởng và nguyên tắc tính tiền thưởng bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh đạt thành tích tại đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, gồm vận động viên, huấn luyện viên đội thể thao thành tích cao và đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh.

Trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 107/2021/NQ-HĐND, căn cứ mức tăng chỉ số giá tiêu dùng, tình hình kinh tế - xã hội hiện nay và tham khảo mức chi tiền thưởng của một số địa phương, cơ quan soạn thảo đề xuất mức thưởng từ 800.000 đồng đến tối đa 15.000.000 đồng, phù hợp với quy mô, tính chất từng giải thể thao.

(Quy định chi tiết tại Điều 7 và Phụ lục I kèm theo dự thảo Nghị quyết)

(5) Mức chi tiền thưởng tại đại hội thể dục thể thao, giải thi đấu thể thao trong tỉnh

- Quy định mức thưởng và nguyên tắc tính tiền thưởng bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển thể thao tham gia các giải thể thao cấp tỉnh, gồm Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Quảng Trị, các giải thi đấu, hội thi thể thao do sở, ban, ngành, liên đoàn, hội thể thao cấp tỉnh tổ chức hoặc đăng cai tổ chức.

Trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 107/2021/NQ-HĐND, căn cứ mức tăng chỉ số giá tiêu dùng, tình hình kinh tế - xã hội hiện nay và tham khảo mức chi của một số địa phương, cơ quan soạn thảo đề xuất mức thưởng từ 120.000 đồng đến tối đa 3.000.000 đồng, phù hợp với quy mô, tính chất từng giải thể thao.

- Vận động viên đạt thành tích tại đại hội, giải thi đấu thể thao cấp xã được thưởng tối đa bằng 70% mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt thành tích tại giải thể thao cấp tỉnh.

(Quy định chi tiết tại Điều 8 và Phụ lục II kèm theo dự thảo Nghị quyết)

(6) Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Kế thừa Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND, đề xuất quy định: Ngoài mức thưởng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tỉnh thưởng thêm bằng 50% mức thưởng tương ứng theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP cho vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh tham gia đội tuyển quốc gia đạt thành tích tại đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế.

(Quy định chi tiết tại Điều 9 dự thảo Nghị quyết)

(7) Thưởng tại chỗ cho các huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các kỳ đại hội thể thao

Để kịp thời động viên vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các kỳ đại hội thể thao, căn cứ tình hình thực tế tại các kỳ đại hội thể thao trước đây, cơ quan soạn thảo đề xuất mức chi tiền thưởng tại chỗ (“thưởng nóng”) cho các huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các kỳ đại hội thể thao toàn quốc, khu vực và quốc tế. Trong đó:

- Mức chi cao nhất đối với vận động viên là 100.000.000 đồng đối với huy chương vàng Đại hội thể thao thế giới, mức chi thấp nhất là 10.000.000 đồng đối với huy chương vàng Đại hội Thể thao toàn quốc.

- Huấn luyện viên có công phát hiện, tuyển chọn, đào tạo ban đầu đối với vận động viên đạt thành tích tại các kỳ đại hội thể thao khu vực và quốc tế được thưởng mức chi cao nhất là 30.000.000 đồng, thấp nhất là 10.000.000 đồng.

- Huấn luyện viên đào tạo vận động viên đạt huy chương vàng tại Đại hội Thể thao toàn quốc được thưởng tại chỗ 5.000.000 đồng.

(Quy định chi tiết tại Điều 10 dự thảo Nghị quyết)

(8) Nội dung và mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Nội dung, mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị áp dụng cho giải cấp tỉnh và cấp xã, gồm:

- Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

+ Giải thể thao cấp tỉnh: kế thừa Thông tư số 117/2025/TT-BTC, căn cứ tình hình kinh tế - xã hội hiện nay, đề xuất mức chi cho thành viên tham gia tổ chức giải bằng 80-85% mức chi nhiệm vụ tại giải thể thao quốc gia.

+ Giải thể thao cấp xã: mức chi thực hiện nhiệm vụ bằng 80% mức chi tương ứng tại giải thể thao cấp tỉnh.

- Chi tiền ăn, thuê phòng nghỉ và đi lại: kế thừa Thông tư số 117/2025/TT-BTC, áp dụng cho ban chỉ đạo, ban tổ chức, các tiểu ban, trọng tài, giám sát điều hành, thư ký trong thời gian tham gia giải theo chế độ công tác phí, chi hội nghị tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

- Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn đồng diễn; chi dịch thuật và các khoản chi khác thực hiện theo quy định hiện hành.

(Quy định chi tiết tại Điều 11 dự thảo Nghị quyết)

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

a) Về nguồn kinh phí:

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ để chi trả chế độ, tổ chức hoặc tham gia giải thi đấu thể thao và từ các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

Dự kiến nhu cầu kinh phí ngân sách cấp tỉnh hằng năm theo dự thảo Nghị quyết là 9.049.200.000 đồng/năm, tăng 1.978.850.000 đồng/năm so với mức hiện hành. Năm tổ chức Đại hội thể dục thể thao tỉnh và tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc, nhu cầu kinh phí là 10.287.200.000 đồng, tăng thêm 1.238.000.000 đồng so với hằng năm. Đối với các năm có vận động viên tham gia Đại hội Thể thao thế giới (Olympic Games), Đại hội thể thao châu Á (ASIAD) dự kiến tiền thưởng tại chỗ là 170.000.000đ/kỳ đại hội; năm có vận

động viên tham gia Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), dự kiến tiền thưởng tại chỗ là 150.000.000đ/kỳ đại hội.

b) Về nguồn nhân lực: Trên cơ sở biên chế hiện có, các Sở, ban, ngành, địa phương tham mưu tổ chức thực hiện, không phát sinh thêm nhân lực.

c) Về phân cấp và thực hiện nhiệm vụ được phân cấp: Nghị quyết không có nội dung liên quan.

d) Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Nghị quyết không có nội dung liên quan.

2. Thời gian trình thông qua Nghị quyết: Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của HĐND tỉnh.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định một số chế độ hỗ trợ, mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi tổ chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

(gửi kèm theo Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Tư pháp;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NCVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Tân



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 72026/NQ-HĐND
(DỰ THẢO)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày....tháng.....năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ hỗ trợ, mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi tổ chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định một số chế độ hỗ trợ, mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi tổ chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ hỗ trợ, mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi tổ chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ, chế độ dinh dưỡng, chế độ đãi ngộ đặc thù cho thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; mức thưởng theo thành tích thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Các chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 349/2025/NĐ-CP Quy định chế độ, chính sách đối với thành

viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thành viên đội thể thao gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế đội thể thao thành tích cao của tỉnh;

b) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh;

c) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh;

d) Huấn luyện viên, vận động viên tham gia thi đấu giải thể thao cấp xã.

2. Thành viên tổ chức giải gồm:

a) Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao;

b) Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;

c) Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;

d) Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

e) Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý và sử dụng huấn luyện viên, vận động viên.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đội thể thao thành tích cao của tỉnh (đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh) bao gồm huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế được triệu tập để tham gia thi đấu các giải thể thao thành tích cao theo quy định của Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14.

2. Đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh (không bao gồm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển của tỉnh tập huấn, thi đấu tại các Hội thi thể thao dân tộc thiểu số toàn quốc, giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc, giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên toàn quốc và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển của các xã, phường, đặc khu, cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia thi đấu tại Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Quảng Trị, các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao do các sở, ban, ngành, liên đoàn, hội thể thao cấp tỉnh tổ chức hoặc đăng cai tổ chức.

4. Giải thi đấu thể thao cấp xã gồm đại hội thể dục thể thao xã, phường, đặc khu; các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao do các xã, phường, đặc khu tổ chức.

5. Các nội dung thi đấu cá nhân, đồng đội, tập thể thực hiện theo quy định của Điều lệ giải do cấp có thẩm quyền ban hành.

Chương II

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG, CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ ĐẶC THÙ

Điều 4. Chế độ hỗ trợ trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh được hưởng chế độ hỗ trợ trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh không hưởng lương ngân sách nhà nước được hưởng chế độ hỗ trợ theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu:

TT	Đối tượng	Định mức chi
1	Huấn luyện viên	300.000 đồng/người/ngày
2	Vận động viên	250.000 đồng/người/ngày

b) Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh hưởng lương ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương đang hưởng (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh được triệu tập chia cho 26 ngày.

2. Thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh được hưởng chế độ hỗ trợ trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh không hưởng lương ngân sách nhà nước được hưởng chế độ hỗ trợ theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu:

TT	Đối tượng	Định mức chi
1	Huấn luyện viên	250.000 đồng/người/ngày
2	Vận động viên	200.000 đồng/người/ngày

b) Thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh hưởng lương ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương đang hưởng (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh được triệu tập chia cho 26 ngày.

3. Các đối tượng quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này được hưởng chế độ hỗ trợ làm thêm giờ cho những ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Mức hưởng chế độ hỗ trợ làm thêm giờ được xác định bằng mức chế độ hỗ trợ trả theo ngày quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này nhân với mức tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2025/QH15, Luật số 113/2025/QH15 và Luật số 124/2025/QH15.

Điều 5. Chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

- a) Trong thời gian tập trung tập huấn: 210.000 đồng/người/ngày;
- b) Trong thời gian tập trung thi đấu: 300.000 đồng/người/ngày.

2. Thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

- a) Trong thời gian tập trung tập huấn: 190.000 đồng/người/ngày;
- b) Trong thời gian tập trung thi đấu: 250.000 đồng/người/ngày.

3. Trong thời gian tập huấn, thi đấu trong nước, trường hợp di chuyển đến các địa điểm khác địa điểm tập trung tập huấn, thi đấu để thực hiện nhiệm vụ, thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh, đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh được áp dụng hưởng chế độ nghỉ, đi lại theo quy định của pháp luật về công tác phí trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức và chế độ dinh dưỡng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 6. Chế độ đãi ngộ đặc thù đối với vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh đạt thành tích xuất sắc

1. Vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đang hưởng lương ngân sách nhà nước đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế chính thức được hưởng chế độ thực phẩm chức năng hằng tháng như sau:

(Đơn vị tính: Đồng/người/tháng)

TT	Tên cuộc thi	Định mức chi		
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Giải Vô địch quốc gia, quốc tế	1.500.000	1.200.000	900.000
2	Giải Vô địch trẻ quốc gia, quốc tế	900.000	600.000	300.000

2. Vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đang hưởng lương ngân sách nhà nước đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế chính thức được hưởng chế độ đãi ngộ đặc thù hằng tháng như sau:

(Đơn vị tính: Đồng/người/tháng)

TT	Tên cuộc thi	Định mức chi		
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Giải Vô địch châu Á, thế giới	12.000.000	10.000.000	8.000.000
2	Giải Vô địch Đông Nam Á, trẻ châu Á, trẻ thế giới	10.000.000	8.000.000	6.000.000
3	Giải Vô địch quốc gia	8.000.000	6.000.000	4.000.000
4	Giải Vô địch trẻ Đông Nam Á	5.000.000	4.000.000	3.000.000
5	Giải Vô địch trẻ quốc gia	4.000.000	3.000.000	2.000.000

3. Chế độ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện trong một năm (12 tháng) kể từ năm sau liền kề năm vận động viên đạt được thành tích. Vận động viên đạt được thành tích ở mức nào thì hưởng chế độ theo mức đó, trường hợp vận động viên đạt nhiều thành tích thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất tương ứng với thành tích đạt được.

4. Trong thời gian vận động viên đang được hưởng chế độ thực phẩm chức năng, chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc theo quy định tại khoản 6 Điều 5, Điều 7 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP thì không được hưởng chế độ thực phẩm chức năng hằng tháng, chế độ đãi ngộ đặc thù hằng tháng dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương III **MỨC THƯỞNG THEO THÀNH TÍCH THI ĐẤU**

Điều 7. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia

1. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên

a) Vận động viên quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc gia được hưởng mức thưởng bằng tiền theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội, tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi theo quy định của điều lệ giải, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu đồng đội, tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

c) Trường hợp vận động viên tập trung từ các cơ sở tuyển dưới thì tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở tuyển dưới trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

d) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 8. Mức chi tiền thưởng tại đại hội thể dục thể thao, giải thi đấu thể thao trong tỉnh

1. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

a) Vận động viên quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này lập thành tích tại đại hội, giải thi đấu thể thao cấp tỉnh được hưởng mức thưởng bằng tiền theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội, tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh được hưởng mức thưởng chung bằng 20% mức thưởng đối với vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Nguyên tắc chi tiền thưởng huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này.

3. Vận động viên quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này lập thành tích tại đại hội, giải thi đấu thể thao cấp xã được hưởng mức thưởng bằng tiền tương ứng 70% mức thưởng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Ngoài mức thưởng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên tham gia đội tuyển quốc gia đạt thành tích thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, tỉnh thưởng thêm bằng 50% mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao quốc tế quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Thưởng tại chỗ cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các kỳ đại hội thể thao

1. Vận động viên của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các kỳ đại hội thể thao toàn quốc, khu vực và quốc tế được thưởng tại chỗ như sau:

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Tên giải thi đấu	Mức thưởng		
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Đại hội thể thao thế giới (Olympic Games)	100.000.000	70.000.000	40.000.000
2	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	50.000.000	30.000.000	20.000.000
3	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	20.000.000	15.000.000	10.000.000
4	Đại hội Thể thao toàn quốc	10.000.000		

2. Huấn luyện viên có công phát hiện, tuyển chọn, đào tạo ban đầu đối với vận động viên đạt thành tích tại các kỳ đại hội thể thao khu vực và quốc tế được thưởng như sau:

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Tên giải thi đấu	Mức thưởng
1	Đại hội thể thao thế giới (Olympic Games)	30.000.000
2	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	20.000.000
3	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	10.000.000

3. Huấn luyện viên đào tạo vận động viên đạt huy chương vàng tại Đại hội Thể thao toàn quốc được thưởng tại chỗ 5.000.000 đồng.

Chương IV

MỨC CHI CỤ THỂ ĐỂ TỔ CHỨC CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO

Điều 11. Nội dung và mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu

a) Đối tượng và mức chi chế độ thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

(Đơn vị tính: Đồng/người/ngày (hoặc buổi))

TT	Đối tượng	Mức chi
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	200.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	170.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	200.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	140.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	80.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao)	
6.1	Người tập:	
-	Tập luyện	65.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	100.000/buổi
-	Chính thức	160.000/buổi
6.2	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	140.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát môn bóng đá, futsal	
7.1	Giải bóng đá nam, nữ:	
-	Trọng tài chính	300.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	220.000/buổi
7.2	Giải futsal nam, nữ và bãi biển:	
-	Trọng tài chính	220.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	160.000/buổi

b) Mức chi chế độ thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu thể thao cấp xã bằng 80% mức chi chế độ thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này.

c) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a, điểm b khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

d) Thời gian chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế theo hướng dẫn, điều lệ của Ban tổ chức giải.

đ) Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại

Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này được chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại trong thời gian tham gia giải thi đấu, cụ thể như sau:

a) Mức chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại thực hiện theo chế độ phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

b) Thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu.

3. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với các đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP Quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Chi dịch thuật thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

5. Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với các nội dung chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật khác thì thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc, theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

a) Chi tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, trang trí, thuê trang phục, đạo cụ;

b) Chi thuê phương tiện truyền thông, tuyên truyền, hộp báo, hội nghị, hội thao, tập huấn trọng tài;

c) Chi phí đi lại (đối với các đối tượng chưa quy định tại khoản 2 Điều này), thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;

d) Chi làm huy chương, cờ, cúp;

đ) Chi in vé, giấy mời;

e) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;

g) Chi khám phân loại thương tật (đối với các giải thể thao người khuyết tật);

h) Các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Các nội dung chi phải bảo đảm trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Nghị quyết này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo chế độ hiện hành của Nhà nước về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Mức chi quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 8, điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết này là mức chi tối đa. Căn cứ tình hình kinh phí và khả năng cân đối ngân sách, các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định chi cho phù hợp nhưng không quá mức chi được quy định tại Nghị quyết này.

3. Khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để bổ sung hỗ trợ, khuyến khích huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu và đảm bảo tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh.

4. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện các chế độ đối với thành viên đội thể thao quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Quy định chế độ hỗ trợ đối với nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể và chế độ đãi ngộ cho vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Bình.

b) Nghị quyết số 107/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao câu lạc bộ Quảng Trị lập thành tích trong thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể dục thể thao.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày... tháng... năm 2026.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT, TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục I

MỨC THƯỞNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN LẬP THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI THỂ THAO TOÀN QUỐC, CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Tên giải thi đấu	Mức thưởng			
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng	Phá kỷ lục cộng thêm
1	Đại hội Thể thao toàn quốc	15.000.000	12.000.000	9.000.000	9.000.000
2	Giải vô địch quốc gia	12.000.000	8.000.000	6.000.000	6.000.000
3	Giải vô địch trẻ quốc gia; Giải vô địch Cúp quốc gia; Giải vô địch các đội mạnh quốc gia; Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia; Giải vô địch các vận động viên xuất sắc quốc gia	6.000.000	4.000.000	3.000.000	3.000.000
4	Giải vô địch trẻ quốc gia (có quy định lứa tuổi)				
4.1	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi trở lên	6.000.000	4.000.000	3.000.000	3.000.000
4.2	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 đến dưới 18 tuổi	5.000.000	3.000.000	2.000.000	2.000.000
4.3	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 đến dưới 16 tuổi	4.000.000	2.500.000	1.500.000	1.000.000
4.4	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	3.000.000	2.000.000	1.000.000	1.000.000
5	Giải Vô địch khu vực, vùng, miền nằm trong hệ thống thi đấu do Cục Thể dục thể thao Việt Nam, Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao quốc gia tổ chức				
5.1	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi trở lên	4.000.000	3.000.000	2.000.000	2.000.000
5.2	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 đến dưới 18 tuổi	3.000.000	2.000.000	1.500.000	1.500.000
5.3	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 đến dưới 16 tuổi	2.000.000	1.500.000	1.000.000	1.000.000
5.4	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	1.500.000	1.200.000	800.000	800.000

6	Hội thi thể thao dân tộc thiểu số toàn quốc; giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc; giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên toàn quốc và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia	6.000.000	4.000.000	3.000.000	3.000.000
---	--	-----------	-----------	-----------	-----------

Phụ lục II
MỨC THƯỞNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN, ĐOÀN THỂ THAO LẬP THÀNH
TÍCH TẠI ĐẠI HỘI THỂ DỤC THỂ THAO, CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO
CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Tên giải thi đấu	Mức thưởng		
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Đại hội thể dục thể thao	3.000.000	2.000.000	1.200.000
2	Giải thi đấu thể thao từng môn	1.500.000	1.000.000	600.000
3	Hội thi thể thao dân tộc thiểu số; giải thể thao dành cho người khuyết tật; giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên và các giải thi đấu thể thao quần chúng cấp tỉnh	800.000	500.000	300.000
4	Giải thi đấu thể thao hệ thống trẻ cấp tỉnh			
4.1	Dành cho vận động viên từ 18 tuổi trở lên	750.000	500.000	300.000
4.2	Dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	600.000	400.000	240.000
4.3	Dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	300.000	180.000
4.4	Dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	300.000	200.000	120.000